

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Công Thương Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 35/TTr-SCT ngày 22/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/8/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VPQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (cườngvv).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện*) và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý nhà nước về cụm công nghiệp, giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, gồm: Các doanh nghiệp, hợp tác xã; Đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc quản lý và phối hợp

a) Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ và phân công trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện nơi có cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với cụm công

nghiệp; đảm bảo sự thống nhất và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Việc phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có liên quan và không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan; đảm bảo kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

2. Phương thức quản lý và phối hợp

a) Đối với cơ quan chủ trì:

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, trong quá trình thực hiện cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan để giải quyết công việc theo các hình thức sau:

- Tổ chức họp với các cơ quan phối hợp để lấy ý kiến tham gia;
- Tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản trong thời hạn ít nhất 03 (ba) ngày làm việc để cơ quan được lấy ý kiến nghiên cứu, trả lời.
- Trường hợp thành lập đoàn khảo sát, kiểm tra thực tế, thanh tra liên ngành, cơ quan chủ trì ban hành kế hoạch, quyết định thành lập đoàn khảo sát, kiểm tra, thanh tra và đề nghị các cơ quan có liên quan phối hợp tham gia.

b) Đối với cơ quan phối hợp:

- Có trách nhiệm tham gia ý kiến tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì, nếu không gửi ý kiến thì được xem như đã thống nhất với nội dung kết luận cuộc họp;

- Khi được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp phải trả lời bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về những nội dung góp ý. Nếu quá thời hạn do cơ quan chủ trì yêu cầu, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Cử người đứng chuyên môn, nghiệp vụ tham gia đoàn khảo sát, kiểm tra thực tế, thanh tra liên ngành khi có yêu cầu.

c) Cơ quan chủ trì giải quyết các công việc liên quan đến quản lý cụm công nghiệp (trừ Sở Công Thương), sau khi hoàn thành gửi Sở Công Thương 01 (một) bộ hồ sơ công việc để tổng hợp, theo dõi phục vụ công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp, trừ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách và các quy định liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

b) Hướng dẫn, phối hợp giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư đối với các hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: thực hiện trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp*), sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*).

2. Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

3. Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp theo quy định.

Điều 5. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở, nội dung và trình tự điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*) và Điều 3 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (*sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2020/TT-BCT*).

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Cơ quan chủ trì

- UBND cấp huyện: Có văn bản đề nghị điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Công Thương.

- Sở Công Thương: Hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp khi có văn bản đề nghị điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp của UBND cấp huyện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các cơ quan phối hợp với Sở Công Thương

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đánh giá sự phù hợp của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Đánh giá sự phù hợp của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp với quy hoạch sử dụng đất; đánh giá hiện trạng đất đai và biện pháp điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển cụm công nghiệp; đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường; dự báo tác động, biện pháp xử lý môi trường của các cụm công nghiệp.

- Sở Xây dựng: Đánh giá sự phù hợp của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp với quy hoạch xây dựng, đô thị.

- Sở Giao thông vận tải: Đánh giá sự phù hợp của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp với quy hoạch mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh, phương án đầu nối giao thông vào cụm công nghiệp.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đánh giá hiện trạng đất nông nghiệp, hệ thống công trình thủy lợi tại vị trí quy hoạch; đánh giá khả năng ngập úng, khả năng thoát lũ khi hình thành cụm công nghiệp của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

- Các Sở, ngành, UBND cấp huyện: Tham gia ý kiến báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thẩm định, quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, khoản 3, Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*).

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Cơ quan chủ trì

- UBND cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định, gửi Sở Công Thương.

- Sở Công Thương: Chủ trì tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, Quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Cơ quan phối hợp thẩm định

Các Sở, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo chức năng quản lý của ngành.

Điều 7. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng tại Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 (*được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018*), sau đây viết tắt là Luật Xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng*), sau đây viết tắt là Nghị định số 44/2015/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP*); Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù (*sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2016/TT-BXD*) và các quy định của Pháp luật có liên quan.

2. Nội dung và thành phần hồ sơ lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thực hiện theo Luật Xây dựng; Điều 14 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP*) và Điều 18 Thông tư số 12/2016/TT-BXD. Nội dung quy hoạch chi tiết phải phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan chủ trì: UBND cấp huyện.

b) Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp

- Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất ngành nghề quy hoạch cụm công nghiệp, sự phù hợp với phương án phát triển cụm công nghiệp,

ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Sở Xây dựng: Tham gia ý kiến về phương án bố trí các phân khu chức năng, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp; có ý kiến thống nhất đối với nhiệm vụ, đồ án quy hoạch bằng văn bản trước khi UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch.

- Các sở, ngành liên quan và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp trong việc tham gia hồ sơ quy hoạch theo chức năng quản lý ngành.

4. Công bố quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Luật Xây dựng.

5. Kinh phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được thực hiện theo khoản 4, Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*).

Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 (*được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022*), sau đây viết tắt là Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước

a) Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, chấp thuận dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 (*được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022*), sau đây viết tắt là Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (*sau đây viết tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP*).

b) Cơ quan chủ trì

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Sau khi được Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư chấm điểm, lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*), nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Luật Đầu tư.

c) Cơ quan phối hợp

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp thẩm định dự án.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Đối tượng, nội dung, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 (*sau đây viết tắt là Luật Bảo vệ môi trường*); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hồ sơ: Thành phần và số lượng hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Tổ chức lập hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, hướng dẫn lập, thẩm định hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Các sở, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 10. Thu hồi đất, cho thuê đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

Có trách nhiệm hướng dẫn, thực hiện việc thu hồi đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư hạ tầng theo quy định.

b) UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi để xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chủ trì, tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có) theo tiến độ dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các sở, ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đăng ký nhu cầu sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp với UBND cấp huyện nơi có dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định. Phối hợp, thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt.

Điều 11. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp

1. Các thủ tục quy định thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, gồm: Cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cấp giấy phép xây dựng; chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Cấp giấy phép xây dựng công trình trong cụm công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định điều kiện về quy mô của công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê đất của nhà nước hoặc thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tiếp nhận, tổ chức thẩm định dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều chỉnh, thu hồi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

b) Sở Công Thương

Hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp; phối hợp thẩm định dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định.

Hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Sở Xây dựng

Chủ trì, thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Công an tỉnh

Hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt phương án phòng cháy, chữa cháy của cơ sở đối với các dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

e) UBND cấp huyện

Phối hợp thẩm định dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp trên địa bàn; Thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc thẩm quyền.

g) Các sở, ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

h) Đối với đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

- Cung cấp thông tin về quy hoạch chi tiết xây dựng, quỹ đất hiện có, giá thuê đất, các dịch vụ công cộng, tiện ích cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu

tư vào cụm công nghiệp. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp đối với việc lập hồ sơ, thủ tục xin thuê đất.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định trước khi triển khai đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp. Theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự theo quy định.

i) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

- Cung cấp thông tin về quy hoạch chi tiết xây dựng, quỹ đất hiện có, giá thuê đất, các dịch vụ công cộng, tiện ích cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư vào cụm công nghiệp. Cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về mặt bằng để đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thuê đất phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định trước khi triển khai đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp. Theo dõi, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự theo quy định.

Điều 12. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Đơn vị chủ trì: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

a) Tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp.

b) Xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích.

c) Thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong cụm công nghiệp về giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích thông qua hợp đồng ký kết. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

a) Sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp đảm bảo đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng.

b) Phối hợp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích; thỏa thuận về giá sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích.

c) Thực hiện chi trả chi phí sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích.

Điều 13. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác thông tin báo cáo

1. Nội dung theo dõi, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh

a) Đối với dự án đầu tư trong cụm công nghiệp: Tiến độ đầu tư dự án, vốn thực hiện, sản lượng sản phẩm, doanh thu của dự án, số nộp ngân sách nhà nước của dự án, lao động đang làm việc thường xuyên tại dự án, thu nhập bình quân lao động của dự án.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Tiến độ đầu tư hạ tầng, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, nộp ngân sách, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương

Quản lý, theo dõi chung về tình hình hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp. Đầu mỗi tiếp nhận, tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ và đột xuất gửi Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) UBND cấp huyện

Theo dõi, cập nhật về tình hình hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn.

Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương và Cục Thống kê tỉnh về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.

c) Các sở, ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Công tác thông tin báo cáo: Sở Công Thương, UBND cấp huyện, các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp: Thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

Điều 14. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra

Thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp việc chấp hành về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan đến cụm công nghiệp, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp, việc đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh, đất đai, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, công tác phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

2. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Các sở ngành và đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hàng năm đối với chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, có ý kiến điều phối kế hoạch thanh tra, kiểm tra làm cơ sở để phê duyệt triển khai thực hiện theo quy định.

b) Các sở, ngành, đơn vị có thẩm quyền thanh tra chuyên ngành thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra trước khi triển khai thực hiện và gửi văn bản kết luận sau khi kết thúc thanh tra, kiểm tra về Sở Công Thương, UBND cấp huyện để theo dõi, phối hợp thực hiện và tổng hợp báo cáo theo quy định; thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, UBND cấp huyện thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

c) Sở Công Thương chủ trì phối hợp các sở ngành, địa phương thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp, các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định; các trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; theo dõi chung về tình hình hoạt động, quản lý của các cụm công nghiệp; tổng hợp thông tin từ các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, đơn vị có liên quan đến hoạt động của các cụm công nghiệp; xử lý theo thẩm quyền và báo cáo, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý những vấn đề phát sinh, tồn tại của các cụm công nghiệp, các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Công Thương đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong nước về phát triển cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển cụm công nghiệp trong nước và quốc tế.

đ) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, quản lý việc cung cấp điện cho các cụm công nghiệp.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường trong việc tổ chức ứng phó sự cố môi trường tại các cụm công nghiệp.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn kinh phí đối với các nhiệm vụ hoạt động phát triển cụm công nghiệp được ngân sách hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

b) Xác định các khoản được trừ vào tiền thuê đất phải nộp trên cơ sở hồ sơ và đề nghị của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan căn cứ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, kế hoạch vốn đầu tư Trung ương giao hằng năm và nguồn vốn khác, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp theo quy hoạch.

b) Tổ chức xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Công Thương đầu tư cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì thực hiện các thủ tục sau: Thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thủ tục về đất đai, khai thác nước dưới đất.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong cụm công nghiệp thực hiện các hồ sơ, thủ tục về lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Công an tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng liên quan thực hiện xử lý vi phạm hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về môi trường đối với các hành vi vi phạm theo các quy định về kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường và các quy định khác có liên quan.

d) Rà soát, tổng hợp, công bố danh mục các cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Xây dựng

a) Chủ trì thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình đối với công trình hạ tầng kỹ thuật trong các cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Công Thương trong việc lập quy hoạch, xây dựng cơ chế chính sách phát triển cụm công nghiệp làng nghề.

7. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, hướng dẫn thủ tục đầu nối đường dẫn ra vào các cụm công nghiệp với các tuyến đường quốc lộ, hệ thống đường địa phương theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư hoặc kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình giao thông trọng điểm có tính huyết mạch, liên hoàn kết nối các cụm, khu du lịch, công nghiệp trong tỉnh và các tỉnh lân cận phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp Sở Công Thương thực hiện công tác quản lý về khoa học và công nghệ đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong cụm công nghiệp về chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

b) Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Tiếp nhận hồ sơ và xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội và an toàn, vệ sinh lao động; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội và an toàn, vệ sinh lao động đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tiến hành điều tra các vụ tai nạn lao động, giải quyết tranh chấp lao động tập thể và đình công không theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định trong các cụm công nghiệp.

c) Thực hiện chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động và đề nghị cơ quan công an trục xuất người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp mà không có giấy phép lao động hoặc văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

10. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

11. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh của tỉnh xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh và huy động mọi nguồn lực để kịp thời bao vây, dập tắt dịch khi có dịch bệnh xảy ra trong cụm công nghiệp.

b) Căn cứ các văn bản hướng dẫn chuyên môn, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm trong cụm công nghiệp.

c) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ về y tế dự phòng, an toàn thực phẩm, quản lý sức khỏe người lao động tại các cụm công nghiệp trên địa bàn.

12. Công an tỉnh

a) Chủ trì thực hiện tốt chức năng quản lý về an ninh trật tự, đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, phát động và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong các cụm công nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh trật tự trong các cụm công nghiệp.

b) Chủ trì, thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp. Khi có sự cố xảy ra phối hợp huy động mọi nguồn lực phòng cháy, chữa cháy nhằm hỗ trợ tối đa cho công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trong cụm công nghiệp, phối hợp tổ chức diễn tập các phương án phòng cháy chữa cháy tại các cụm công nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, kiểm tra chặt chẽ từng quy hoạch, đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đánh giá toàn diện, đầy đủ những tác động, ảnh hưởng về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; cân nhắc trước khi quyết định việc triển khai các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có phạm vi tác động rộng lớn có thể dẫn đến các tình huống phức tạp về an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở, nhất là các vụ việc liên quan tranh chấp, khiếu kiện, đình công, lãn công trái pháp luật tại các cụm công nghiệp,

không để xảy ra hoạt động kích động tập trung đông người biểu tình gây mất an ninh, trật tự.

13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Hướng dẫn, phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm quốc phòng an ninh trong quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

14. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp về chính sách ưu đãi, pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước do cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật về Quản lý thuế; thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về thuế và các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước (NSNN) theo quy định.

b) Cung cấp kết quả thu, nộp NSNN của các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp, thông tin các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Sở Công Thương.

15. Cục Thống kê tỉnh

a) Chủ trì hỗ trợ hướng dẫn tập huấn nghiệp vụ về thống kê cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp.

b) Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

16. Bảo hiểm Xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan nắm chắc đầu mối các đơn vị, số lượng lao động; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại các doanh nghiệp, hợp tác xã trong các cụm công nghiệp.

17. Công ty Điện lực Tuyên Quang

a) Đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện và chất lượng điện tới vị trí thỏa thuận mua bán điện của cụm công nghiệp hoặc nhà máy của các doanh nghiệp, hợp tác xã trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Điện lực và các quy định khác có liên quan.

b) Thực hiện đúng các quy định hiện hành về hợp đồng mua, bán điện, điều tiết điện, trình tự và thời hạn giải quyết các đề nghị về phát triển nguồn điện, cấp điện cho các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất trong cụm công nghiệp.

c) Kịp thời giải quyết các đề nghị, phản ánh của doanh nghiệp, hợp tác xã về chất lượng điện, cải tạo, nâng cấp lưới điện.

18. UBND cấp huyện

a) Đề xuất và phối hợp với Sở Công Thương trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp; thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào cụm công nghiệp.

c) Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp thuộc địa bàn quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng và các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng các công trình của nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các cụm công nghiệp.

d) Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch các cụm công nghiệp thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

đ) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình trong cụm công nghiệp sau khi được phân cấp.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào cụm công nghiệp.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch sử dụng đất, thu hồi đất hàng năm.

h) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải đề xuất quy hoạch đầu nối giao thông đối với cụm công nghiệp và thực hiện việc xin phép đầu nối theo quy định.

i) Chỉ đạo lực lượng Công an cấp huyện phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp hướng dẫn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong các cụm công nghiệp.

k) Hỗ trợ công tác tuyển dụng lao động cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong cụm công nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động tập thể.

l) Xây dựng và quản lý thông tin về cụm công nghiệp trên địa bàn. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp vào cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

19. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Tham gia điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp, báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tổ chức thành lập, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

b) Đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

c) Quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường theo quy định. Không được mở rộng cụm công nghiệp, tiếp nhận thêm dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp trong trường hợp cụm công nghiệp chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; Nộp các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học. Cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

g) Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương trước ngày 31/12 hàng năm.

20. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ theo quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự.

c) Ký và thực hiện biên bản, hợp đồng thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp về đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp hoặc ký hợp đồng chuyển giao nước thải để xử lý với cơ sở có chức năng theo quy định.

d) Thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ theo quy định.

đ) Thực hiện chương trình quan trắc môi trường của cơ sở theo quy định và thông báo kết quả cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp để tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn bảo vệ môi trường, đồng thời thông báo cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp khi xảy ra sự cố môi trường và thực hiện việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu thực hiện tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi bổ sung, điều chỉnh Quy chế, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có ý kiến gửi về qua Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.
